

# GIÁ TRỊ ĐỊA HÌNH - ĐỊA CHẤT TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỊA HỌC TẠI TỈNH AN GIANG

NGUYỄN KIM HOÀNG & NNC

**Tóm tắt:** An Giang sở hữu những đặc điểm địa chất và địa hình đặc sắc, đa dạng hơn so với các tỉnh khác ở miền Tây Nam Bộ, gắn liền với nhiều di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia; với nhiều lễ hội văn hóa, tín ngưỡng nổi tiếng và các truyền thuyết, giai thoại kỳ bí. Đánh giá trung thực các giá trị địa chất - địa hình của tỉnh sẽ góp phần quan trọng cho phát triển ngành du lịch nói chung và du lịch địa học nói riêng nhằm thu hút nhiều hơn khách du lịch đến với An Giang.

**Từ khóa:** địa chất, địa hình, du lịch địa học, Bảy Núi, An Giang

## TOPOGRAPHIC - GEOLOGICAL VALUE IN DEVELOPMENT OF GEOLOGICAL TOURISM IN AN GIANG PROVINCE

**Abstract:** An Giang province possesses unique geological and topographical characteristics, more diverse than many other provinces in the Southwest region, because it is associated with many nationally ranked cultural and historical relics; with many famous cultural and religious festivals and mysterious local legends and anecdotes. A true assessment of the geological and topographical values of the province will make an important contribution to the development of the tourism industry in general and geo-tourism in particular to attract more tourists to An Giang province.

**Keywords:** geology, topography, geo-tourism, Bay Nui, An Giang

### 1. Đặt vấn đề

Có rất nhiều danh thắng sở hữu giá trị cao và độc đáo về mặt địa chất - địa mạo nhưng chưa được khai thác theo góc độ di sản địa chất. Chỉ cần khai thác khía cạnh này chắc chắn sẽ làm tăng tính hấp dẫn du lịch và tăng thời gian lưu khách, điều này cũng có nghĩa là tăng nguồn thu cho cộng đồng và địa phương.

Du lịch địa học (Geotourism, DLĐH) hay Địa du lịch là một khái niệm được nhà địa chất Thomas Hose (1995) đầu tiên đưa ra, theo đó du lịch địa học là loại hình du lịch quan tâm đến những nét đặc sắc về địa chất của một khu vực. Định nghĩa này đứng trên quan điểm du lịch cảnh quan (landscape tourism), chủ yếu dựa vào địa chất và môi trường vô sinh. Đến năm 2011, Hội nghị Địa du lịch Quốc tế tại Arouca do

UNESCO tổ chức đã định nghĩa DLĐH qua Tuyên bố Arouca: “DLĐH là loại hình du lịch giúp bảo tồn và phát huy những nét đặc sắc của một vùng lãnh thổ, cụ thể là các đặc trưng địa chất, môi trường, văn hóa, thẩm mỹ, di sản và phúc lợi của cộng đồng địa phương. Du lịch địa chất là một thành phần của DLĐH”.

Với tuyên bố Arouca (UNESCO, 2011), DLĐH - ngành khoa học du lịch phát triển ở cả ba khía cạnh: môi trường vô sinh (địa học, khí hậu), môi trường hữu sinh (động, thực vật) và môi trường văn hoá. DLĐH cung cấp sự trải nghiệm, qua đó tạo cơ hội cho du khách góp phần bảo tồn và phát huy những nét đặc thù địa lý tự nhiên và nhân văn của điểm đến, bao gồm môi trường, văn hóa, thẩm mỹ, ẩm thực và phúc lợi của cộng đồng địa phương. DLĐH có cùng

một số quan điểm với du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - tâm linh, du lịch mạo hiểm - sức khỏe và du lịch giáo dục. Tuy nhiên, DLĐH là một loại hình du lịch đặc biệt không trùng lặp với các loại hình du lịch khác.

Tỉnh An Giang có diện tích 3.536,7 km<sup>2</sup>, bằng 1,03% diện tích cả nước và đứng thứ 4 so với 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ; phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Tây - Tây Bắc giáp 2 tỉnh Kandal và Takéo, Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài hơn 100 km; phía Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang và phía Nam giáp thành phố Cần Thơ. Hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được công nhận là các huyện miền núi.

An Giang là tỉnh có nhiều di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia; có nhiều lễ hội văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh nổi tiếng với nhiều truyền thuyết, giai thoại huyền bí. An Giang đã và đang phát triển đa dạng các loại hình du lịch như du lịch tham quan, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch thể thao, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh; gắn du lịch với vui chơi giải trí và mua sắm sản phẩm lưu niệm thủ công mỹ nghệ và ẩm thực. An Giang có đặc điểm địa chất và địa hình đặc sắc, đa dạng hơn so với các tỉnh khác ở miền Tây Nam Bộ. Về địa chất, ngoài trầm tích trẻ tạo nên đồng bằng, còn có các loại đá khác nhau từ đá trầm tích, trầm tích - núi lửa đến các đá magma phun trào và xâm nhập cấu thành nên các đồi núi. Về địa hình, có núi đồi, đồng bằng, đầm lầy; sông, kênh rạch và hồ nước. Đánh giá đầy đủ giá trị địa chất - địa hình của tỉnh An Giang sẽ góp phần phát triển ngành du lịch nói chung và nói riêng là DLĐH nhằm thu hút du khách không chỉ trong tỉnh An Giang, miền Tây Nam Bộ, mà còn ở các tỉnh, thành trong nước và du khách quốc tế.

## **2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở dữ liệu**

Những dữ liệu sử dụng cho nghiên cứu gồm có: (1) Báo cáo “Đo vẽ lập bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản nhóm tờ Hà Tiên - Phú Quốc tỷ lệ 1/50.000” do Trương Công Đương chủ biên (1997); (2) Báo cáo “Đo vẽ lập bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản nhóm tờ Đồng bằng Nam Bộ tỷ lệ 1/200.000” do Nguyễn Ngọc Hoa chủ biên (1990); (3) Kết quả điều tra địa chất; (4) Địa chí An Giang tập 1 (2003) và tập 2 (2014) và Báo cáo “Quy hoạch phát triển ngành du lịch An Giang giai đoạn đến 2020, định hướng 2030” của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang (2012).

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

*a. Phương pháp thu thập và phân tích tài liệu*  
Gồm có: (1) Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế - xã hội trong khu vực; (2) Thông tin về các điểm/khu du lịch; số lượng du khách/năm và tháng; (3) Hiện trạng cơ sở hạ tầng, dịch vụ trong khu vực; và (4) Các loại hình hoạt động du lịch và các sản phẩm du lịch chính (tham quan, tôn giáo, tín ngưỡng, nghiên cứu, thư giãn, giải trí...).

*b. Phương pháp kiểm kê và đánh giá giá trị địa chất - địa hình.* Gồm 2 giai đoạn:

(1) *Kiểm kê:* mục đích chủ yếu của giai đoạn này là xác định số lượng và định dạng các khu vực địa chất; đã thực hiện khảo sát trên khu vực đồi núi (vùng Bảy Núi, các núi Sập, núi Sam...) và khu vực trũng thấp ngập nước (Búng Bình Thiên, rừng Tràm Trà Sư...), bao gồm phỏng vấn người dân; quan sát trực tiếp, ghi chép, chụp ảnh, mô tả các yếu tố quan sát được (hình thái, quá trình địa mạo đã và đang xảy ra...).

(2) *Đánh giá:* Đánh giá các khu vực địa chất đã kiểm kê dựa vào các tiêu chí: (i) Giá trị khoa học (tính hiếm có của khu vực; Điều kiện quan sát - điểm nhìn; khả năng minh họa; tính đa dạng của đặc điểm/quá trình địa chất); (ii) Giá

trị bổ sung (Giá trị thẩm mỹ; phát triển và sử dụng; cách tiếp cận thông tin địa chất; sử dụng luật pháp để bảo vệ; giá trị văn hóa/ lịch sử); và (iii) Giá trị địa thể (đường mòn; đường lớn; dịch vụ hỗ trợ; khả năng tiếp cận).

### **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

#### **3.1. Giá trị địa chất**

a. *Đặc điểm địa chất:* trên phạm vi tỉnh An Giang có chín phân vị địa tầng trầm tích và phun trào và bốn phức hệ magma xâm nhập.

Về địa tầng, cổ nhất là các đá trầm tích lục nguyên vụn thô hệ tầng Tà Pạ tuổi Trias thượng - Jura hạ với mặt cắt chuẩn tại núi Tà Pạ. Tiếp đến là các đá trầm tích - núi lửa với thành phần chủ yếu trung tính hệ tầng Sà Lôn tuổi Jura muộn có mặt cắt chuẩn tại đồi Sà Lôn. Các đá trầm tích - núi lửa với thành phần chủ yếu axit hệ tầng Nha Trang tuổi Creta muộn, phủ lên trên là các tầng trầm tích Đệ tứ rất dày, bắt đầu là trầm tích biển Pleistocen trung - thượng (các hệ tầng Long Toàn; Long Mỹ), trầm tích biển Holocen hạ - trung (hệ tầng Hậu Giang). Trẻ nhất là các trầm tích hiện đại tuổi Holocen muộn có nguồn gốc đa dạng, gồm sông, sông - đầm lầy, đầm lầy.

Các đá magma xâm nhập gồm có granitoid phức hệ Định Quán tuổi Creta sớm, granitoid phức hệ Đèo Cả, phức hệ Ankroet tuổi Creta muộn và đá mạch sẫm màu phức hệ Cù Mông tuổi Paleogen.

Các “di sản địa chất” và các đồi núi sót vùng Bảy Núi là bằng chứng cho hoạt động liên tục của ba bối cảnh kiến tạo ở An Giang trước khi bị sụt lún trong Đệ tứ:

- *Trias muộn - Jura sớm:* bối cảnh tạo núi đồng va chạm, lắng đọng trầm tích lục nguyên vụn thô (hệ tầng Tà Pạ).

- *Jura muộn - Creta:* bối cảnh kiến tạo cùng magma xâm nhập – núi lửa rìa lục địa với hoạt

động magma phun trào chủ yếu trung tính vôi - kiềm (hệ tầng Sà Lôn) đi cùng là xâm nhập granitoid vôi - kiềm (phức hệ Định Quán và phun trào chủ yếu felsic vôi - kiềm (hệ tầng Nha Trang) đi cùng granitoid vôi - kiềm hỗn nhiễm vôi (phức hệ Đèo Cả). Trong giai đoạn này, có sự căng giãn cục bộ dẫn đến xâm nhập granit vôi - kiềm giàu nhôm (phức hệ Ankroet).

- *Vào cuối Creta - đầu Paleogen* cũng xảy ra quá trình nâng lên - bóc mòn mạnh mẽ và cung cấp vật liệu cho các bồn trũng trong đó có vùng trũng Cửu Long, đồng thời tạo nên bề mặt san bằng toàn Đông Dương. Tiếp tục bị ảnh hưởng chế độ căng giãn, phát triển các đai mạch xâm nhập nông sẫm màu (phức hệ Cù Mông) trong các đá trước Kainozoi; trong các trũng bắt đầu được lấp đầy vật liệu từ vụn thô đến mịn trong suốt Holocen cho đến ngày nay.

b. *Các giá trị địa chất đặc trưng:*

#### *(1) Sản phẩm DLDH*

Trong địa bàn tỉnh An Giang hầu như chỉ có đá xâm nhập gồm diorit-granodiorit-granit là nhóm đá có tính đồng nhất, rắn chắc, bền vững cao khi lộ ra mặt đất và chịu tác động của quá trình phong hóa. Do đó, đá granitoid thường tạo các núi cao hơn các đá khác. Cùng trong quá trình địa chất ngoại sinh và điều kiện phong hóa - bóc mòn tự nhiên nhưng do tính chất cơ lý - hóa đặc trưng, nên chỉ có nhóm đá xâm nhập tạo nên các hình dạng đặc thù. Không chỉ có giá trị thẩm mỹ, thu hút thị hiếu khách du lịch mà còn dẫn đến việc hình thành các truyền thuyết, huyền thoại từ trí tưởng tượng phong phú của người dân.

- *Hình dạng đặc biệt của granit:* đồi, núi có tên gắn liền với hình dạng đồi núi granit như đã nêu trong giá trị địa hình, như núi Tô (núi Cô Tô), núi Sam, núi Trọi (có thể do từ một đồi granit lộ trơ trội giữa đồng ruộng

nước), núi Nước (được đặt tên được cho là khi chưa có đê bao chống lũ, mỗi khi đến “mùa nước nổi” chung quanh núi là một biển nước mênh mông).

Tên núi gắn liền với hình dạng của khối tảng granit đặc biệt trên núi: tên núi Két do bên vách núi phía Tây có tảng đá granit khổng lồ nằm nhô ra nhìn như đầu chim két (Hình 1); tên núi Tượng ở vùng Bảy Núi hay núi Tượng ở huyện Thoại Sơn, do khối đá granit khi lộ ra mặt đất, bóc vỏ hóa tròn tạo nên có hình dạng của voi.



**Hình 1. Núi Két, vách phía tây lưng chừng núi có một tảng granit nằm nhô ra nhìn như đầu chim két**



**Hình 2. “Dấu chân tiên” trong granit ở Sơn Tiên tự, núi Ba Thê**



**Hình 3. Một khối granit bóc vỏ hóa tròn, bên ngoài có hình dạng và khe rãnh tự nhiên như mai rùa (núi Nước)**



**Hình 4. Đôi chỗ trên khối đá granit có kiến trúc hoa văn đặc thù**

Hình dạng và hoa văn đặc biệt khác cũng có giá trị thẩm mỹ tạo cảnh quan thu hút khách du lịch như đá chông do granit phong hóa bóc vỏ hóa tròn; đôi chỗ trên bề mặt đá có kiến trúc hoa văn đặc biệt như chạm trổ (Hình 4).

- *Hang động, khe hẻm*: khe nứt trong granit sau quá trình phong hóa lâu dài có thể tạo khe hẻm, con người có thể di chuyển đi lại như ở núi Trọi, núi Két, hoặc các khối tảng granit chông chất tạo các hang động như trên núi Két, có khi quy mô lớn có thể chứa nhiều người trú ẩn như trận chiến với Pôn Pốt trong chiến tranh biên giới 1978 ở núi Tượng hoặc làm căn cứ cách mạng thời chiến tranh trước năm 1975 ở núi Cẩm.

- *Khe nứt, lỗ hổng thứ sinh trong granit*: có kích thước từ nhỏ đến lớn có khả năng tích tụ nước tự nhiên quanh năm dù ở trên sườn núi cao được gắn liền với huyền thoại hay truyền thuyết như là giếng Tiên (giếng do tiên ban cho) ở núi Két hay năm giếng ở núi Dài nhỏ (đó là dấu ấn năm ngón tay của Thái Thượng Lão Quân để lại làm dấu trên đá khi vân du qua vùng núi này từ thuở khai thiên lập địa. Hàng năm không ít người từ già đến trẻ ở Nam Bộ sùng bái, tín ngưỡng đã đến đây.

- *Đá lăn*: tùy kích thước và hình dạng được sử dụng làm đá cảnh trong sân chùa, sân vườn, công viên hoặc làm nền, hành lang đường đi lên núi vừa có ích khi sử dụng vật liệu tự nhiên tại chỗ vừa có tính thẩm mỹ phù hợp cảnh quan tự nhiên.

(2) *Giá trị khoa học phục vụ các tuyến nghiên cứu*:

Địa chất vùng An Giang có giá trị khoa học ở chỗ sự hình thành và phát triển địa chất không chỉ cho tỉnh An Giang mà cho cả miền Tây Nam Bộ và rộng hơn; có thể xây dựng các tuyến thực

tập, tham quan cho học sinh, sinh viên ngành khoa học Trái đất hay ngành Địa chất học qua mặt cắt đầy đủ các đá trầm tích và phun trào ở núi Sà Lôn qua moong khai thác đá xây dựng, mặt cắt granitoid khối Núi Cẩm dọc đường từ chân lên đỉnh núi. Điểm lộ đá mozonit có các ban tinh feldspat kali có dạng con tằm xen kẽ giữa các khoáng vật khác có kích thước nhỏ hơn là một loại đá hiếm gặp do quá trình kiềm hóa chông gối trên đá granodiorit tạo hoa văn đẹp, có độ nguyên khối cao... đã và đang được khai thác làm đá ốp lát. Một số điểm lộ có quan hệ tiếp xúc của các đá gốc như khối Th'lok giữa ba thành tạo: andesit hệ tầng Sà Lôn, diorit phức hệ Định Quán và ryolit hệ tầng Nha Trang; ở hồ đá Tà Pạ có granodiorit phức hệ Định Quán xuyên cắt cát kết, bột kết hệ tầng Tà Pạ.

### **3.2. Giá trị địa hình**

#### **a. Đặc điểm địa hình**

Vùng Bảy Núi thể hiện đặc điểm địa hình không chỉ cho An Giang, mà còn cả miền Tây Nam Bộ. Khoảng một triệu năm trước, từ Pleistocen, các hoạt động tân kiến tạo đã làm vỏ Trái đất ở vùng Bảy Núi bị nứt nẻ, sụt lún hoặc nhô cao nhiều nơi. Sau đó, những đợt biển tràn ngập cả Nam Bộ và kết thúc khoảng từ 10.000 đến 11.000 năm trước. Dấu tích còn để lại của những thời biển tiến này là các bậc thềm biển cổ ở những khu vực quanh núi Cẩm, núi Dài, núi Phú Cường... Khu vực nhô cao là đồi núi gồm có nhiều đỉnh với hình dạng, độ cao và độ dốc khác nhau, phân bố theo vành đai cánh cung kéo dài gần 100 km. Khởi đầu từ xã Phú Hữu (huyện An Phú) qua xã Vĩnh Tế (Tp. Châu Đốc), bao trùm gần hết hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, về tận xã Vọng Thê, Vọng Đông, rồi dừng lại ở thị trấn Núi Sập. Hoạt động tân kiến

tạo trong Đệ tứ đã để lại cho An Giang, đặc biệt là vùng Bảy Núi sự đa dạng về địa hình địa mạo. Về hình thái, gồm 2 loại địa hình chính là đồi núi (gồm có đồi, núi thấp, núi trung bình) và đồng bằng (đồng bằng phù sa gồm: cồn bãi, lòng chảo, dạng hơi nghiêng; đồng bằng ven núi gồm kiểu deluvi và phù sa cổ). Về nguồn gốc, có 2 dạng: địa hình bóc mòn (bao gồm các bề mặt san bằng và các bậc thềm biển nguồn gốc mài mòn) và đồng bằng tích tụ (gồm có 4 kiểu nguồn gốc chính: sông, sông - biển, biển và đầm lầy).

*b. Các giá trị địa hình phục vụ phát triển DLDH*

(1) *Cung cấp không gian phát triển DLDH:* tại An Giang, giữa một vùng đồng bằng phù sa rộng lớn, sự có mặt của đồi núi như vùng Bảy Núi, núi Sam, núi Sập, núi Ba Thê... đã tập trung nhiều loài động, thực vật trên cạn. Đây cũng là nơi sinh sống ổn định của người dân, nhất là ở khu vực ven chân núi và trên cao là nơi phát triển xây dựng chùa chiền, điện thờ... Khu vực đồi núi là nơi khởi nguồn và phát triển đa dạng sinh học, văn hóa, tín ngưỡng, là nơi thu hút khách du lịch đến để nhìn ngắm, thưởng thức cảnh quan.

Tùy thuộc vào diện tích và thành phần thạch học của khối núi, trong quá trình nâng, bóc mòn - xâm thực, có thể tạo nên những bề mặt san bằng có quy mô và tuổi san bằng khác nhau. Nếu quy mô khối núi nhỏ sẽ có bề mặt san bằng nhỏ, chỉ là chóp đỉnh bằng và sườn dốc thoải như núi Trọi, núi Tượng, núi Nước... có bề mặt san bằng tuổi Pliocen muộn (cách đây khoảng 2,6 - 3,6 triệu năm) với mặt bằng ở độ cao 200 - 300 m. Tuy vậy, một vài ngọn núi có diện tích đủ để tổ chức khu giải trí, nghỉ ngơi như núi Két, núi Sam, núi Ba Thê. Bề mặt san bằng cổ nhất có

tuổi Pliocen sớm (khoảng 3,6 - 5,3 triệu năm trước) có quy mô lớn trên độ cao 400 - 600 m, tạo sự đa dạng của địa hình: các đỉnh núi dốc cao, đến các đồi nhỏ hình bát úp bởi đá granit: núi Cô Tô (510 m), núi Dài lớn (549 m), núi Cấm, trong đó có các trũng thấp, có thể tạo hồ nước như núi Cấm (600 m).

(2) *Cung cấp sản phẩm DLDH:* các suối lớn có thể đắp đập làm hồ chứa nước như hồ Thanh Long (núi Cấm), hồ Soài So (núi Cô Tô) phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu. Tuy nhiên, với vẻ đẹp hoang sơ chúng đã nhanh chóng trở thành các khu du lịch sinh thái hấp dẫn.

Một số địa hình sau khai thác đá được tích nước có hình dạng và cảnh quan đẹp hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là thanh niên. Hồ nước Tà Pạ trong xanh có thể nhìn thấy tận đáy. Hồ Latina dưới chân núi Cấm kết hợp moong khai thác đá xây dựng cạnh suối có cảnh quan quyến rũ với nước hồ màu xanh mát mẻ, đã nhanh chóng trở thành điểm du lịch. Ngoài ra, hồ Ông Thoại và hồ cận chân đồi Mộng Mơ (núi Sập) cũng là moong khai thác đá có cảnh quan đẹp.

(3) *Giá trị hình thành các sản phẩm văn hóa:* trong từng khu vực, địa hình có các cảnh quan đặc thù, từ đó dân gian xây dựng các truyền thuyết, giai thoại để đặt tên địa danh. Ví dụ núi Cô Tô có dạng giống như một cái bát úp; và cũng do hình dáng của núi giống như chim Phụng nên mới lấy tên là Phụng hoàng sơn. Núi Sam có tên gọi như vậy vì hình thù của núi giống như con sam, đầu quay về hướng Tịnh Biên.

Hầu hết các di tích lịch sử, văn hóa, chùa chiền, điện thờ... được xây dựng trên các địa hình cao của đồi núi, trên nền địa chất cứng chắc. Vùng ven đồi núi tập trung dân cư chủ yếu là dân tộc Kinh và Khme. Không chỉ có ở vùng

đồi núi, địa hình thấp cũng tạo sự đa dạng về sinh học, văn hóa và lịch sử. Các vùng trũng thấp luôn ngập nước cũng tạo nên sự đa dạng sinh học, có cảnh quan tươi xanh, mát mẻ... thu hút khách du lịch sinh thái như rừng tràm Trà Sư, Búng Bình Thiên.

#### **4. Kết luận**

Sự đa dạng địa chất và địa hình của tỉnh An Giang với những cảnh quan đặc sắc, sản trạng địa chất kỳ thú có giá trị khoa học cao gắn liền với các truyền thuyết, huyền thoại không những hấp dẫn khách du lịch yêu thích thiên nhiên và tín ngưỡng, mà còn thu hút những nhà khoa học, sinh viên, học sinh. Tính đa dạng này góp phần quan trọng vào sự phong phú về văn hóa, lịch sử

với nét văn hóa đặc sắc của một vùng đất đa dân tộc - đa tôn giáo.

Đánh giá đầy đủ các giá trị địa chất - địa hình là cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển bền vững DLĐH của tỉnh An Giang; phát triển DLĐH gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử và lợi ích của cộng đồng cư dân địa phương; tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế cùng tham gia theo chủ trương xã hội hóa các hoạt động du lịch; tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống người dân địa phương./.

***Bài báo là sản phẩm của đề tài: “Nghiên cứu phát triển và xây dựng mô hình địa du lịch tại tỉnh An Giang”. Tập thể tác giả chân thành cảm ơn Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang đã hỗ trợ thực hiện đề tài.***

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Ngọc Hoa (1990) chủ biên, *Đo vẽ lập bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản nhóm tờ Đồng bằng Nam bộ tỷ lệ 1/200.000*, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam.
2. Hose T.A., (1995), *Evaluating Interpretation at Hunstanton*, Earth Heritage 4:20.
3. Trương Công Đương (1997) chủ biên, *Đo vẽ lập bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản nhóm tờ Hà Tiên - Phú Quốc tỷ lệ 1/50.000*, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam.
4. UBND tỉnh An Giang (2003), *Địa chí An Giang, tập 1*.
5. UBND tỉnh An Giang (2014), *Địa chí An Giang, tập 2*.
6. UNESCO (2011), *Arouca Declaration*, Geotourism-International Conference.

#### **Thông tin tác giả:**

Nguyễn Kim Hoàng - Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG TP.HCM

Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP.HCM

Email: hoangngk@yahoo.com; Điện thoại: 0918227126

*Nhóm nghiên cứu (NNC) bao gồm:*

Đào Văn Tuyết - Trường Đại học Bình Dương

Hoàng Thị Thu Hương - Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

Nguyễn Phi Hùng, Nguyễn Quang Dũng, Lưu Hải Tùng - Viện Địa lý tài nguyên TP.HCM

Lê Ngọc Thanh - Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi tại Bình Dương

#### **Nhật ký tòa soạn**

Ngày nhận bài: 15/4/2023

Biên tập: 6/2023